HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 186/NQ-HĐND	*Quảng Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh đợt 04 năm 2023; Điều chỉnh tên, diện tích dự án, diện tích thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và hủy bỏ chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với một số dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;

Xét các Tờ trình: số 3225/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023, số 3261/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023, số 3302/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023, số 3385/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023, số 3402/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Các báo cáo thẩm tra: số 173/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2023, số 174/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2023, số 182/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2023 và số 188/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh đợt 04 năm 2023 gồm:

1. Danh mục 76 dự án, công trình thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 với tổng diện tích đất thu hồi là 551,12ha.

(Biểu số 01 kèm theo)

2. Danh mục 01 dự án, công trình có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 với 0,917ha diện tích đất lúa.

(Biểu số 02 kèm theo)

3. Danh mục 06 dự án, công trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp năm 2017 với 85,84ha diện tích rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất và 7,75ha diện tích rừng trồng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ.

(Biểu số 03 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh tên, diện tích dự án, diện tích thu hồi, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất, diện tích quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với một số dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua:

1. Điều chỉnh tên, diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đối với 17 dự án, công trình thu hồi đất tại các nghị quyết: số 228/NQ-HĐND ngày 07/12/2019, số 28/NQ-HĐND ngày 16/7/2021, số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2021, số 86/NQ-HĐND ngày 31/3/2022, số 106/NQ-HĐND ngày 09/7/2022, số 121/NQ-HĐND ngày 04/11/2022 và số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Biểu số 04 kèm theo)

2. Điều chỉnh diện tích dự án, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất đối với 10 dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất tại các nghị quyết: số 28/NQ-HĐND ngày 16/7/2021, số 64/NQ-HĐND ngày 07/7/2017, số 86/NQ-HĐND ngày 31/3/2022, số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 và số 147/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Biểu số 05 kèm theo)

3. Điều chỉnh diện tích dự án, diện tích quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 02 dự án, công trình tại các nghị quyết: số 333/NQ-HĐND ngày 24/3/2021 và số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Biểu số 06 kèm theo)

Điều 3. Hủy bỏ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 14 dự án, công trình tại các nghị quyết: số 192/NQ-HĐND ngày 30/7/2019, 212/NQ-HĐND ngày 26/10/2019, 228/NQ-HĐND ngày 07/12/2019, 243/NQ-HĐND ngày 31/3/2020, 272/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 và 333/NQ-HĐND ngày 24/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Biểu số 07 kèm theo)

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, đồng thời:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về sự tuân thủ theo quy định của pháp luật về Luật Đất đai, Luật Lâm nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu, kết quả báo cáo thẩm định của các cơ quan chức năng và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh (nhất là thông tin về nguồn gốc đất, nguồn gốc hình thành rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), loại rừng (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất), vị trí, diện tích, ranh giới rừng, hiện trạng rừng… đảm bảo sự thống nhất giữa hồ sơ và thực địa, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chỉ đạo rà soát, bổ sung, cập nhật danh mục dự án, công trình vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất bảo đảm sự thống nhất, phù hợp với quy định; tổng hợp danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có phát sinh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình lập quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

Chỉ thực hiện quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác sau khi dự án đã đảm bảo các điều kiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Lâm nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan. Đối với các dự án điều chỉnh diện tích cơ cấu đất thu hồi, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất cần đảm bảo các chỉ tiêu được phân bổ theo quy hoạch; yêu cầu thực hiện đầy đủ các thủ tục về chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, đồng thời tính toán đầy đủ các nghĩa vụ phải thực hiện của chủ đầu tư đối với phần diện tích điều chỉnh.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, UBND tỉnh chỉ đạo thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Nghị quyết này đảm bảo mục tiêu sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, không làm thất thoát tài sản, ngân sách nhà nước; không hợp thức hóa cho các sai phạm; không để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và kịp thời giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo phát sinh. Xử lý nghiêm các dự án nếu phát hiện các vi phạm về căn cứ pháp lý, về đất đai, xây dựng, lâm nghiệp, đầu tư theo quy định của pháp luật; UBND tỉnh có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét hủy bỏ, điều chỉnh, bổ sung cho các dự án, công trình đảm bảo theo đúng quy định.

d) Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ (báo cáo);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội;
- Các bộ: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ7.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Nguyễn Xuân Ký

BIỂU SỐ 01: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THÔNG QUA THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA CÔNG CỘNG THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH ĐỢT 4 NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 186 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
	Tổng số 76 dự án, công trình		**629,62**	**551,12**	**54,82**	**26,13**	**44,28**	**296,92**	**45,30**	**83,68**		
I	**Thành phố Hạ Long: 23 công trình, dự án**		**218,86**	**196,77**	**2,50**	**3,37**	**44,28**	**127,63**	**6,75**	**12,24**		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thôn Đồng Quặng, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long	Xã Đồng Lâm	0,78	0,78					0,74	0,04	(1) Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND Thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt điều chỉnh tên các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố; (2) Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật điểm tái định cư tại thôn Đồng Quặng, xã Đồng Lâm; (3) Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 (Đợt 4).	
2	Hạ tầng kỹ thuật điểm tái định cư thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm	Xã Đồng Lâm	1,03	1,03				0,91	0,06	0,06	(1) Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND Thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt điều chỉnh tên các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố; (2) Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND Thành phố v/v phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật điểm tái định cư thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm; (3) Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của UBND thành phố vv phê duyệt phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 (Đợt 4).	
3	Đường trục vào xóm Đèo Thông, xã Đồng Lâm	Xã Đồng Lâm	2,05	1,54	0,12			1,11	0,12	0,19	(1) Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 19/12/2021 của HĐND Thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án dự kiến đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2022 - 2025 của Thành phố; (2) Quyết định số 4082/QĐ-UBND ngày 3/11/2022 của UBND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Đường trục vào xóm Đèo Thông, xã Đồng Lâm; (3) Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND thành phố v/v điều chỉnh dự toán chi ngân sách thành phố năm 2023	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
4	Cải tạo nâng cấp, mở rộng tuyến đường Vân Phong, phường Hoành Bồ, thành phố Hạ Long	Phường Hoành Bồ	2,68	1,20	0,47				0,50	0,23	(1) Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt điều chỉnh tên các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố Hạ Long; (2) Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND thành phố v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Cải tạo tuyến đường Vân Phong, phường Hoành Bồ, thành phố Hạ Long; (3) Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND thành phố v/v điều chỉnh dự toán chi ngân sách thành phố năm 2023.	
5	Xây dựng hoàn trả trụ sở Bưu điện xã Vũ Oai, thành phố Hạ Long thuộc diện bồi thường, GPMB dự án xây dựng bổ sung phòng học bộ môn và các phòng chức năng hiệu bộ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vũ Oai, xã Vũ Oai	Xã Vũ Oai	0,05	0,05					0,04	0,01	(1) Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 19/12/2021 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án dự kiến đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2022-2025; (2) Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Xây dựng hoàn trả trụ sở Bưu điện xã Vũ Oai, thành phố Hạ Long	
6	Cải tạo nâng cấp hồ điều hoà đập ông Đô và hệ thống đường, cống thoát nước tổ 1 khu Yên Cư phường Đại Yên	Phường Đại Yên	0,74	0,64					0,57	0,07	(1) Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt điều chỉnh tên các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố Hạ Long; (2) Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Công trình cải tạo nâng cấp hồ điều hoà đập ông Đô và hệ thống đường, cống thoát nước tổ 1 khu Yên Cư phường Đại Yên; (3) Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND thành phố v/v điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách Thành phố năm 2023.	
7	Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thoát nước tổ 26, khu 3 đến tổ 12 khu 2 phường Hà Khẩu	Phường Hà Khẩu	0,12	0,02					0,01	0,01	(1) Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố Hạ Long; (2) Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 Công trình Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thoát nước tổ 26, khu 3 đến tổ 12 khu 2 phường Hà Khẩu; (3) Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND thành phố v/v điều chỉnh dự toán chi ngân sách thành phố năm 2023.	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
8	Dự án Xây mới Nhà vệ sinh công cộng tại đường Hạ Long (trước khách sạn Công đoàn), phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long	Phường Bãi Cháy	0,03	0,03						0,03	(1) Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố; (2) Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Công trình Nhà vệ sinh công cộng tại đường Hạ Long, phường Bãi Cháy; (3) Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND thành phố v/v điều chỉnh dự toán chi ngân sách thành phố năm 2023.	
9	Xây dựng Trụ sở làm việc của Đảng Uỷ - HĐND - UBND phường Cao Thắng	Phường Cao Thắng	0,95	0,75					0,15	0,60	(1) Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt điều chỉnh tên các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố; (2) Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND thành phố v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu vực Trụ sở Đảng Uỷ - HĐND - UBND phường Cao Thắng, Trụ sở Công an phường Cao Thắng, Trụ sở Trạm y tế phường Cao Thắng và Nhà văn hóa trung tâm phường Cao Thắng; (3) Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND thành phố v/v điều chỉnh dự toán chi ngân sách thành phố năm 2023.	
10	Xây mới trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Đồng Lâm tại xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long	Xã Đồng Lâm	0,37	0,37	0,29					0,08	(1) Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt điều chỉnh tên các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố Hạ Long. (2) Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Đồng Lâm, Trung tâm văn hóa-thể thao và cây xanh cảnh quan tại nút giao Tỉnh lộ 342 cũ với Tỉnh lộ 342 mới tại xã Đồng Lâm	
11	Trung tâm Văn hoá - Thể thao xã Đồng Lâm, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long	Xã Đồng Lâm	0,51	0,50	0,34				0,04	0,12	(1) Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt điều chỉnh tên các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố Hạ Long; (2) Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Đồng Lâm, Trung tâm văn hóa-thể thao và cây xanh cảnh quan tại nút giao Tỉnh lộ 342 cũ với Tỉnh lộ 342 mới tại xã Đồng Lâm	
12	Xây dựng cầu thay thế tràn qua suối thôn Đất Đỏ, xã Tân Dân, thành phố Hạ Long	Xã Tân Dân	0,30	0,21				0,04	0,07	0,10	(1) Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 14/10/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách; (2) Quyết định 2470/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Công trình xây dựng cầu thay thế tràn qua suối thôn Đất Đỏ, xã Tân Dân	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
13	Xây dựng cầu thay thế tràn qua suối thôn Khe Mực, xã Tân Dân, thành phố Hạ Long	Xã Tân Dân	0,32	0,21	0,07				0,08	0,06	(1) Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 14/10/2023 HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách; (2) Quyết định số 2471/UBND ngày 29/8/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Công trình xây dựng cầu thay thế tràn qua suối thôn Khe Mực, xã Tân Dân	
14	Mở rộng khuôn viên, xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Bằng Cả, xã Bằng Cả, thành phố Hạ Long	Xã Bằng Cả	0,34	0,25	0,24					0,01	(1) Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 14/10/2023 HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách; (2) Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Bằng Cả, xã Bằng Cả	
15	Xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Quảng La - điểm trường Trung tâm, xã Quảng La, thành phố Hạ Long	Xã Quảng La	0,64	0,49					0,24	0,25	(1) Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 23/9/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố Hạ Long; (2) Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Quảng La - điểm trường Trung tâm, xã Quảng La, thành phố Hạ Long	
16	Hệ thống băng tải vận chuyển than Núi Béo- Hà Tu -Trung tâm chế biến - Làng Khánh	Phường Hà Khánh, Hà Tu, Hà Phong	16,43	9,02		3,37		0,05		5,60	(1) Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh v/v quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; (2) Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Hệ thống băng tải vận chuyển than Núi Béo- Hà Tu -Trung tâm chế biến - Làng Khánh tại các phường Hà Phong, Hà Tu, Hà Khánh, thành phố Hạ Long; (3) Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 8/8/2023 của UBND Thành phố V/v đính chính Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND thành phố.	
17	Quảng trường cây xanh và hạ tầng kỹ thuật kết nối khu văn hóa núi Bài Thơ phường Hồng Gai Thành phố Hạ Long	Phường Hồng Gai	2,01	1,34					0,07	1,27	(1) Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố Hạ Long; (2) Quyết định 2760/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Quảng trường, cây xanh và hạ tầng kỹ thuật kết nối khu văn hóa núi Bài Thơ tại phường Hồng Gai Thành phố Hạ Long	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
18	Xây dựng Trụ sở Đảng Uỷ - HĐND - UBND phường Hà Lầm	Phường Hà Lầm	0,15	0,15						0,15	(1) Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 23/9/2023 của HĐND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố Hạ Long; (2) Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt điều chỉnh (lần 2) quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Dự án Trụ sở Đảng Uỷ - HĐND - UBND phường Hà Lầm	
19	Hạ tầng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư phía bên trái tuyến đường Quốc lộ 18A lên Trung tâm hội nghị FLC thuộc khu 7A, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	Phường Hồng Hải	8,51	4,14					2,67	1,47	(1) Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 14/10/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách; (2) Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Hạ tầng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư phía bên trái tuyến đường Quốc lộ 18A lên Trung tâm hội nghị FLC thuộc khu 7A, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	
20	Dự án Xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Hoà Bình, xã Hoà Bình (điểm trường Trung tâm)	Xã Hoà Bình	0,29	0,04	0,006			0,014	0,02		(1) Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố Hạ Long; (2) Quyết định 3286/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Hoà Bình (điểm trường Trung tâm) xã Hoà Bình, thành phố Hạ Long	
21	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 342 đoạn thuộc địa phận các xã Đồng Lâm, Đồng Sơn, Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long	Đồng Lâm, Đồng Sơn, Kỳ Thượng	179,56	173,95	0,960		44,28	125,51	1,35	1,85	(1) Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công vốn ngân sách tỉnh Quảng Ninh; (2) Quyết định 3299/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 342 đoạn thuộc địa phận các xã Đồng Lâm, Đồng Sơn, Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long	
22	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Ba Đèo tại khu 2 phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long	Hồng Gai	0,73	0,02						0,02	(1) Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 21/2/2023 của HĐND phường Hồng Gai V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500; (2) Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ tổng mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Ba Đèo tại khu 2 phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long; (3) Quyết định số 4699/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND thành phố Hạ Long v/v phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 ngân sách thành phố Hạ Long.	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
23	Dự án Xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Hoà Bình, xã Hoà Bình (Điểm trường thác cát)	Xã Hoà Bình	0,26	0,04					0,02	0,02	(1) Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố Hạ Long; (2) Quyết định 3285/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Hoà Bình, (Điểm trường thác cát) xã Hoà Bình, thành phố Hạ Long	
II	**Huyện Ba Chẽ: 10 công trình, dự án**		**87,07**	**77,70**	**2,18**	**0,00**	**0,00**	**63,40**	**5,42**	**6,70**		
1	Khu tái định cư khu dân cư khu 4, thị trấn Ba Chẽ.	Thị trấn Ba Chẽ	2,10	2,06					1,53	0,53	(1) Nghị quyết 77/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện v/v phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công dự kiến triển khai giai đoạn 2023-2025; (2) Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND huyện v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tự xây khu 4, thị trấn Ba Chẽ; (3) Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện v/v điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (lần 3);	
2	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Lương Mông.	Xã Lương Mông	0,92	0,92				0,08	0,18	0,66	(1) Nghị quyết 88/NQ-HĐND ngày 09/10/2023 của HĐND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công dự kiến triển khai giai đoạn 2024-2025; (2) Quyết định số 4146/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ; (3) Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện V/v phê duyệt điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (lần 3);	
3	Chỉnh trang trung tâm dân cư các thôn thuộc xã Lương Mông	Xã Lương Mông	2,14	2,14				0,45	0,76	0,93	(1) Nghị quyết 88/NQ-HĐND ngày 09/10/2023 của HĐND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công dự kiến triển khai giai đoạn 2024-2025; (2) Quyết định số 4146/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ; (3) Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện V/v phê duyệt điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (lần 3);	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
4	Chợ xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ	Xã Lương Mông	1,63	1,63				1,45		0,18	(1) Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện v/v phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công dự kiến triển khai giai đoạn 2023-2025; (2) Quyết định số 4146/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ; (3) Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (lần 3);	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Đồn Đạc - Thanh Sơn - Đạp Thanh kết nối với đường tỉnh 342, huyện Ba Chẽ.	Xã Đồn Đạc, Thanh Sơn, Đạp Thanh	41,01	34,89	0,22			33,20	0,32	1,15	(1) Nghị quyết 88/NQ-HĐND ngày 09/10/2023 của HĐND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công dự kiến triển khai giai đoạn 2024-2025; (2) Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch hướng tuyến các tuyến đường giao thông bổ sung trên địa bàn huyện Ba Chẽ (Giai đoạn 2021 - 2025); (3) Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (lần 3);	
6	Công trình: Đường nối Tỉnh lộ 330B vào khu bảo tồn văn hóa dân tộc Dao, thôn Sơn Hải, huyện Ba Chẽ	Xã Nam Sơn	5,89	5,53	1,48			0,92	1,72	1,41	(1) Nghị quyết 88/NQ-HĐND ngày 09/10/2023 của HĐND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công dự kiến triển khai giai đoạn 2024-2025; (2) Quyết định 3916/QĐ-UBND ngày 20/20/2021 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch hướng tuyến các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Ba Chẽ (Giai đoạn 2021-2025); (3) Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (lần 3);	
7	Công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã kết nối đường tỉnh 342 với các xã Đạp Thanh - Minh Cầm – Lương Mông đến đường tỉnh 330 huyện Ba Chẽ.	Xã Đạp Thanh, Minh Cầm, Lương Mông	30,62	28,71	0,48			27,30	0,62	0,31	(1) Nghị quyết 88/NQ-HĐND ngày 09/10/2023 của HĐND huyện V/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công dự kiến triển khai giai đoạn 2024-2025; (2) Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch hướng tuyến các tuyến đường giao thông bổ sung trên địa bàn huyện Ba Chẽ (Giai đoạn 2021 - 2025); (3) Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (lần 3);	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
8	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Đạp Thanh	Xã Đạp Thanh	1,14	1,14						1,14	(1) Nghị quyết 88/NQ-HĐND ngày 09/10/2023 của HĐND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công dự kiến triển khai giai đoạn 2024-2025; (2) Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 xã Đạp Thanh, huyện Ba Chẽ; (3) Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (lần 3);	
9	Chỉnh trang trung tâm dân cư các thôn thuộc xã Thanh Lâm	Xã Thanh Lâm	0,50	0,50					0,24	0,26	(1) Nghị quyết 88/NQ-HĐND ngày 09/10/2023 của HĐND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công dự kiến triển khai giai đoạn 2024-2025; (2) Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch hướng tuyến các tuyến đường giao thông bổ sung trên địa bàn huyện Ba Chẽ (giai đoạn 2021 - 2025); (3) Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (lần 3);	
10	Trụ sở Huyện ủy và khối Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể huyện Ba Chẽ	Thị trấn Ba Chẽ	1,12	0,18					0,05	0,13	(1) Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 25/10/2022 của HĐND huyện v/v phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công dự kiến triển khai năm 2023; (2) Quyết định số 4918/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở Huyện ủy và Khối mặt trận tổ quốc và các đoàn thể huyện Ba Chẽ; (3) Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (lần 3);	
III	**Huyện Tiên Yên: 03 công trình, dự án**		**60,32**	**59,17**	**1,06**	**3,56**	**0,00**	**51,79**	**0,69**	**2,07**		
1	Hạ tầng Trung tâm văn hóa xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên (Hạng mục: Đường giao thông, san nền, sân bê tông)	Xã Hà Lâu	1,71	1,71	0,18			0,53	0,38	0,62	(1) Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 31/3/2023 của HĐND huyện Tiên Yên v/v phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện quản lý; (2) Quyết định số 5138/QĐ- UBND ngày 13/12/2022 của UBND huyện Tiên Yên V/v phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm văn hóa xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên	
2	Cụm công nghiệp Yên Than tại xã Yên Than, huyện Tiên Yên	Yên Than	49,16	49,16	0,09			48,42		0,65	(1) Quyết định số 2451/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh V/v thành lập Cụm công nghiệp Yên Than, xã Yên Than, huyện Tiên Yên; (2) Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND huyện Tiên Yên V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Yên Than tại xã Yên Than, huyện Tiên Yên	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
3	Đường từ đập Khe Táu đấu nối sang nhà văn hóa Quế Sơn, xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên	Xã Đông Ngũ	9,45	8,30	0,79	3,56		2,84	0,31	0,80	(1) Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 24/10/2022 của HĐND huyện V/v bổ sung danh mục đầu tư và phê duyệt, điều chỉnh, bãi bỏ chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện; (2) Quyết định số 4809/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 Đường từ đập Khe Táu đấu nối sang nhà văn hóa Quế Sơn, xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên	
IV	**Thành phố Uông Bí: 06 công trình, dự án**		**9,66**	**8,04**	**0,20**	**0,00**	**0,00**	**1,78**	**0,66**	**5,40**		
1	Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty kho vận đá bạc - Vinacomin)	Phường Phương Đông	1,83	1,830	0,204				0,023	1,603	(1) Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 6238/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt mặt bằng hướng tuyến dự án Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty kho vận đá bạc - Vinacomin)	
2	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	Phường Phương Đông	0,60	0,60					0,07	0,53	(1) Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/5/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt bằng hướng tuyến tỷ lệ 1/500 tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí.	
3	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	Phường Thanh Sơn	3,73	3,73					0,55	3,18	(1) Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt bằng hướng tuyến tỷ lệ 1/500 Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí.	
4	Xử lý sạt lở mái ta tuy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	Phường Vàng Danh	1,40	0,95				0,94	0,01		(1) Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/5/2023 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt xây dựng công trình Xử lý sạt lở mái ta tuy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí.	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
5	Xử lý sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn khe giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	xã Thượng Yên Công	2,01	0,84				0,84			(1) Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 20/2/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt tổng mặt xây dựng công trình Xử lý sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn khe giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí.	
6	Công trình Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí (Hạng mục: Đoạn làm mới)	Phường Thanh Sơn	0,09	0,09					0,01	0,09	(1) Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/10/2021 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 10768/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND thành phố v/v phê duyệt mặt bằng hướng tuyến tỷ lệ 1/500 công trình: Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí (Hạng mục: Đoạn làm mới).	
V	**Huyện Đầm Hà: 06 công trình, dự án**		**10,55**	**5,92**	**1,02**	**0,00**	**0,00**	**1,48**	**0,76**	**2,66**		
1	Dự án nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV Hải Hà - Tiên Yên	Xã Tân Bình, TT. Đầm Hà, xã Quảng Tân, xã Dực Yên	2,41	1,61	0,29			0,77	0,26	0,29	(1) Quyết định số 3665/QĐ-EVNNPC ngày 29/12/2021 của Tổng công ty điện lực Miền bắc V/v phê duyệt dự án nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV Hải Hà - Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh; (2) Quyết định số 4684/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Đầm Hà v/v phê duyệt tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV Hải Hà - Tiên Yên (đoạn qua địa phận huyện Đầm Hà)	
2	Đường dây và TBA 110KV Đầm Hà (hạng mục chân cột đấu nối đường dây)	Xã Quảng Tân	0,88	0,01	0,01						(1) Quyết định số 2262/QĐ-EVNNPC ngày 09/7/2021 của Tổng Công ty điện lực Miền bắc V/v phê duyệt dự án Đường dây và TBA 110Kv Đầm Hà; (2) Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND huyện Đầm Hà v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 vị trí xây dựng mới tuyến Đường dây và TBA 110KV Đầm Hà	
3	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Dực Yên (hạng mục: Nhà văn hóa, Sân bóng rổ, Sân bóng chuyền hơi, Cây xanh, bồn hoa, Bể PCCC, Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật)	Xã Dực Yên	0,74	0,35	0,34					0,01	(1) Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 02/11/2023 của HĐND huyện Đầm Hà v/v quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công 2023 -2025; (2) Quyết định số 4295/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 công trình Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Dực Yên	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
4	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Quảng An (hạng mục: Nhà văn hóa, thể thao, Nhà đặt máy bơm, Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật, cây xanh)	Xã Quảng An	3,03	0,46						0,46	(1) Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 02/11/2023 của HĐND huyện Đầm Hà v/v quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công 2023 -2025; (2) Quyết định số 4296/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 công trình Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Quảng An	
5	Cầu Thanh Y, xã Quảng Lâm	Xã Quảng Lâm	0,21	0,21					0,04	0,17	(1) Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Đầm Hà v/v quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công 2023-2025; (2) Quyết định số 4601/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND huyện V/v phê duyệt tổng mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 dự án Cầu Thanh Y, xã Quảng Lâm	
6	Cầu Quảng Lợi, xã Quảng Tân, huyện Đầm Hà	Xã Quảng Tân	3,28	3,28	0,38			0,71	0,46	1,73	(1) Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 02/11/2023 của HĐND huyện Đầm Hà v/v quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công 2023 -2025; (2) Quyết định số 4301/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện V/v phê duyệt tổng mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 dự án Cầu Quảng Lợi, xã Quảng Tân, huyện Đầm Hà	
VI	**Thị xã Đông Triều: 08 công trình, dự án**		**97,25**	**81,32**	**22,91**	**10,95**	**0,00**	**17,92**	**13,45**	**16,10**		
1	Xây dựng mới trường THCS Hồng Thái Đông	Xã Hồng Thái Đông	2,62	2,62	2,53					0,09	(1) Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 29/8/2023 của HĐND thị xã v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND thị xã v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Xây dựng mới trường THCS Hồng Thái Đông tại xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều	
2	Nâng cấp, cải tạo mở rộng trường tiểu học, THCS Yên Đức	Xã Yên Đức	0,55	0,55	0,48					0,07	(1) Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 29/8/2023 của HĐND thị xã v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND thị xã v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Nâng cấp, sửa chữa trường tiểu học, THCS Yên Đức tại xã Yên Đức, thị xã Đông Triều.	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
3	Khu liên cơ quan thuộc trung tâm hành chính mới thị xã Đông Triều	Phường Xuân Sơn, Kim Sơn	9,89	9,89	9,47					0,42	(1) Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 29/8/2023 của HĐND thị xã v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND thị xã v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm hành chính mới thị xã Đông Triều tại phường Xuân Sơn, Kim Sơn, thị xã Đông Triều; (3) Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND thị xã v/v điều chỉnh, phân bổ vốn đầu tư công năm 2023;	
4	Xây mới cầu Trại Thụ	Xã Tràng Lương	0,21	0,073	0,035				0,038		(1) Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 25/7/2022 của HĐND thị xã v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND thị xã v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng tuyến 1/500 Xây mới cầu Trại Thụ xã Tràng Lương; (3) Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND thị xã v/v điều chỉnh, phân bổ vốn đầu tư công năm 2023;	
5	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 345	Xã An Sinh	30,9	20,96	0,96	10,95	-	0,98	2,67	5,40	(1) Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công vốn ngân sách tỉnh; (2) Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND thị xã v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Mặt bằng tuyến và vị trí tập kết vật liệu dư thừa trong quá trình thi công dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 345	
6	Xây dựng đường tỉnh 327, đoạn từ nút giao cổng tỉnh đến đường trục chính trung tâm thị xã Đông Triều	Xã An Sinh, Xã Bình Dương, Xã Bình Khê	35,28	29,43	8,94	-	-	3,87	10,74	5,88	(1) Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công vốn ngân sách tỉnh; (2) Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND thị xã v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mặt bằng tuyến và vị trí tập kết vật liệu dư thừa trong quá trình thi công dự án Đầu tư xây dựng đường tỉnh 327, đoạn từ nút giao cổng tỉnh đến đường trục chính trung tâm thị xã Đông Triều.	
7	Xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều	Phường Kim Sơn	0,5	0,50	0,49					0,01	(1) Quyết định số 93/QĐ-VKS ngày 24/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc phê duyệt đầu tư dự án; (2) Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND thị xã v/v phê duyệt quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tại khu trung tâm hành chính mới, phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
8	Bãi thải khu Tràng Bạch	Phường Hoàng Quế	17,3	17,30	-	-	-	13,07	-	4,23	(1) Quyết định số 3718/QĐ-UBND ngày 02/12/2023 của UBND tỉnh V/v chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; (2) Quyết định số 3174/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND thị xã v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng Bãi thải khu Tràng Bạch, tại phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều; (3) Giấy phép khai thác than số 2128/GP-BTNMT ngày 07/12/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;	
VII	**Huyện Hải Hà: 06 công trình, dự án**		**18,68**	**7,36**	**0,99**	**0,00**	**0,00**	**1,93**	**1,92**	**2,52**		
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường trục xã Đường Hoa (Đường trục xã Tiến Tới cũ)	Xã Đường Hoa	2,7	0,97	0	0	0	0	0,02	0,95	(1) Nghị quyết số 301/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND huyện Hải Hà V/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công vốn ngân sách huyện; (2) Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tuyến công trình Cải tạo nâng cấp tuyến đường trục xã Đường Hoa (Đường trục xã Tiến Tới cũ)	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18A đến trung tâm xã Đường Hoa	Xã Đường Hoa	2,1	0,66					0,03	0,63	(1) Nghị quyết số 301/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND huyện Hải Hà V/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công vốn ngân sách huyện; (2) Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tuyến công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18A đến trung tâm xã Đường Hoa	
3	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Quảng Phong	Xã Quảng Phong; thị trấn Quảng Hà; xã Quảng Long	7,89	3,20	0,39	0,00	0,00	0,98	1,43	0,40	(1) Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND huyện V/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; (2) Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 23/8/2023 của HĐND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư, dừng chủ trương đầu tư một số dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; (3) Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 dự án Cải tạo nâng cấp đường trục xã Quảng Phong	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
4	Cải tạo nâng cấp tuyến đường trục xã Quảng Thịnh (đoạn từ đầu cầu ngầm 1 đến trung tâm xã)	Xã Quảng Thịnh; xã Quảng Chính	4,56	1,10	0,35	0,00	0,00	0,24	0,14	0,37	(1) Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND huyện V/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; (2) Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 23/8/2023 của HĐND huyện V/v phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, dừng chủ trương đầu tư một số dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; (3) Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt tổng mặt bằng tuyến dự án Cải tạo nâng cấp tuyến đường trục xã Quảng Thịnh (đoạn từ đầu cầu ngầm 1 đến trung tâm xã)	
5	Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110KV Hải Hà- Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Quảng Chính, Quảng Minh, Quảng Thành	0,89	0,89	0,19	0,00	0,00	0,30	0,24	0,16	(1) Quyết định số 76/QĐ-EVNNPC ngày 12/1/2022 của Tổng Công ty điện lực Miền Bắc V/v phê duyệt dự án Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110KV Quảng Hà - Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (1) Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 3/4/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tuyến đường dây 110KV thuộc dự án Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110KV Hải Hà- Móng Cái.	
6	Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110KV Hải Hà - Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	Quảng Phong, Quảng Long, Đường Hoa	0,54	0,54	0,055	0,00	0,00	0,41	0,06	0,01	(1) Quyết định số 3665/QĐ-EVNNPC ngày 29/1/2/2021 của Tổng Công ty điện lực Miền Bắc V/v phê duyệt dự án Nâng cao khả năng truyền tải ĐZ 110KV Hải Hà - Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh; (2) Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện Hải Hà V/v phê duyệt quy hoạch mặt bằng tuyến đường dây 110KV thuộc dự án nâng cấp cải tạo đường dây 110KV Hải Hà- Tiên Yên;	
VIII	**Huyện Bình Liêu: 05 công trình, dự án**		**62,87**	**53,88**	**13,93**	**5,87**	**0,00**	**14,19**	**12,19**	**7,70**		
1	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 18C với đường trục chính thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	Thị trấn Bình Liêu	4,60	4,43	2,60	0,00	0,00	0,00	1,10	0,73	(1) Nghị quyết số150/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 của HĐND huyện Bình Liêu v/v hủy bỏ, điều chỉnh, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án các dự án, công trình đầu tư giai đoạn 2021-2025; (2) Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND huyện Bình Liêu v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 dự án Đường giao thông kết nối Quốc lộ 18C với đường trục chính thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
2	Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 18C đến khu danh thắng ruộng bậc thang, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu	Thị trấn Bình Liêu	16,86	8,04	1,40	0,00	0,00	5,65	0,74	0,25	(1) Nghị quyết số 264/NQ-HĐND ngày 12/11/2021 của HĐND huyện Bình Liêu v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công khởi công mới năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025; (2) Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 30/10/2022 của HĐND huyện Bình Liêu về điều chỉnh, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án, công trình đầu tư giai đoạn 2021-2025; (3) Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 của UBND huyện Bình Liêu v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hướng tuyến dự án Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 18C đến khu danh thắng ruộng bậc thang, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống 10 đường tràn vượt lũ trên địa bàn huyện Bình Liêu	Xã Lục Hồn, xã Đồng Tâm	6,17	6,17				2,32	2,06	1,79	(1) Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 30/10/2022 của HĐND huyện Bình Liêu về điều chỉnh, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án, công trình đầu tư giai đoạn 2021-2025; (2) Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND huyện Bình Liêu v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống 10 đường tràn vượt lũ trên địa bàn huyện Bình Liêu	
4	Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn 2)	Xã Hoành Mô	28,22	28,22	9,75	5,87		1,39	7,85	3,36	(1) Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 30/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bình Liêu về điều chỉnh, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án, công trình đầu tư giai đoạn 2021-2025; (2) Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND huyện Bình Liêu v/v phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 dự án Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn 2)	
5	Dự án Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 3) khu kinh tế quốc phòng Bình Liêu-Hải Hà-Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh/Quân Khu 3	03 Xã: Hoành Mô; Đồng Văn; Vô Ngại.	7,02	7,02	0,178	0,00	0,00	4,83	0,44	1,57	(1) Quyết định số 1951/QĐ-BQP ngày 31/5/2022 của Bộ Quốc phòng v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 3) Khu KTQP Bình Liêu - Hải Hà - Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh/QK3; (2) Quyết định số 1169/QĐ-BQP ngày 29/3/2023 của Bộ Quốc phòng v/v phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 3) Khu KTQP Bình Liêu - Hải Hà - Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh/QK3; (3) Quyết định số 1170/QĐ-BQP ngày 29/3/2023 của Bộ Quốc phòng v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 3) Khu KTQP Bình Liêu - Hải Hà - Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh/QK3; Văn bản số 72/HC-DT ngày 29/3/2023 của Bộ Quốc phòng V/v bố trí vốn năm 2023; (4) Hồ sơ bản đồ hướng tuyến công trình;	
5.1	*Hạng mục: Nâng cấp tuyến đường Nà Sa-Nà Dun*	*Xã Hoành Mô*	*0,64*	*0,64*					*0,08*	*0,56*		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
5.2	*Hạng mục: Xây dựng mới tuyến đường từ Quốc lộ 18C đến khu sản xuất*	*Xã Hoành Mô*	*1,36*	*1,36*				*1,24*	*0,01*	*0,11*		
5.3	*Hạng mục: Xây mới cầu treo từ Co Hón sang Đồng Thắng*	*Xã Đồng Văn*	*0,16*	*0,16*					*0,07*	*0,09*		
5.4	*Hạng mục: Xây dựng đường nội đồng Cốc Lỳ - Co Hón*	*Xã Đồng Văn*	*0,537*	*0,537*	*0,162*				*0,200*	*0,175*		
5.5	*Hạng mục: Nâng cấp tuyến đường nội đồng Khủi Pèn đến xuống ruộng*	*Xã Vô Ngại*	*1,01*	*1,01*	*0,02*			*0,28*	*0,08*	*0,63*		
5.6	*Hạng mục: Nâng cấp tuyến sản xuất Pắc Lạng(Mạ Chạt) đến thôn bản Làng*	*Xã Vô Ngại*	*2,23*	*2,23*				*2,23*				
5.7	*Hạng mục: Nâng cấp tuyến đường vào khu sản xuất từ đường Ngàn Chi vào Khe Lùm*	*Xã Vô Ngại*	*1,08*	*1,08*				*1,08*		*0,003*		
IX	**Thành phố Móng Cái: 01 công trình, dự án**		**0,94**	**0,07**						**0,07**		
1	Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương, phường Ninh Dương	phường Ninh Dương	0,94	0,07						0,07	(1) Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố khởi công năm 2023 (đợt 1); (2) Quyết định số 4341/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình tỷ lệ 1/500 Trường THCS Ninh Dương, phường Ninh Dương	
X	**Thành phố Cẩm Phả: 03 công trình, dự án**		**54,70**	**53,71**	**4,67**	**2,07**	**0,00**	**16,80**	**3,04**	**27,13**		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
1	Tuyến đường nối Vũng Đục, phường Cẩm Đông đến phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả (giai đoạn 2)	Phường Cẩm Sơn	9,85	9,85						9,85	(1) Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 17/12/2022 của HĐND thành phố Cẩm Phả v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường nối đường Vũng Đục, phường Cẩm Đông đến phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả (giai đoạn 2); (2) Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND thành phố Cẩm Phả v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 - Tuyến đường nối Vũng Đục, phường Cẩm Đông đến phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả (giai đoạn 2)	
2	Xử lý các điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đoạn Km30+650 - Km30+970 và Km34+300 trên đường tỉnh 326	Xã Dương Huy	1,41	0,42					0,15	0,27	(1) Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt dự án; (2) Quyết định số 3594/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh V/v phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa tỉnh Quảng Ninh năm 2023; (3) Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật Xử lý các điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đoạn Km30+650 - Km30+970 và Km34+300 trên đường tỉnh 326.	
3	Đường giao thông nối xã Cẩm Hải với xã Cộng Hòa	Xã Cẩm Hải, Cộng Hòa	43,44	43,44	4,67	2,07		16,80	2,89	17,01	(1) Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của HĐND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn thành phố Cẩm Phả; (2) Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND Thành phố v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Đường giao thông nối xã Cẩm Hải với xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả; (3) Nghị quyết 117/NQ-HĐND ngày 17/12/2022 của HĐND Thành phố v/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;	
XI	**Thị xã Quảng Yên: 04 công trình, dự án**		**7,99**	**6,85**	**5,38**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,42**	**1,06**		
1	Dự án Trường THPT Bạch Đằng mới tại phường Cộng Hòa và xã Tiền An thị xã Quảng Yên.	Cộng Hòa, Tiền An	3,23	3,23	2,753				0,09	0,39	(1) Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/11/2022 của HĐND thị xã v/v phê duyệt chủ trương đầu tư; (2) Nghị quyết số 30/NQ-HĐND 13/11/2023 của HĐND thị xã V/v phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công; (3) Quyết định số 7376/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND thị xã V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường THPT Bạch Đằng mới và đấu nối hạ tầng giao thông kết hợp vườn hoa tại phường Cộng Hòa và xã Tiền An, thị xã Quảng Yên	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
2	Dự án đấu nối hạ tầng giao thông kết hợp vườn hoa Trường THPT Bạch Đằng mới tại phường Cộng Hòa và xã Tiền An, thị xã Quảng Yên.	Cộng Hòa, Tiền An	3,17	3,17	2,508				0,17	0,50	(1) Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08/11/2022 của HĐND thị xã Quảng Yên v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; (2) Nghị quyết số 30/NQ-HĐND 13/11/2023 của HĐND thị xã V/v phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công; (3) Quyết định số 7376/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND thị xã V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường THPT Bạch Đằng mới và đấu nối hạ tầng giao thông kết hợp vườn hoa tại phường Cộng Hòa và xã Tiền An, thị xã Quảng Yên	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trung tâm xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên (đoạn từ bưu điện văn hóa xã qua nhà thờ chính đi thôn 16 xã Hiệp Hòa)	Xã Hiệp Hòa	1,47	0,33					0,16	0,17	(1) Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 23/7/2022 của HĐND thị xã v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công vốn ngân sách thị xã Quảng Yên; (2) Quyết định số 7676/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND thị xã v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 mặt bằng tuyến dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường trung tâm xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên (đoạn từ bưu điện văn hóa xã qua nhà thờ chính đi thôn 16 xã Hiệp Hòa)	
4	Nhà văn hóa khu 3A, phường Hà An	Phường Hà An	0,12	0,12	0,116						(1) Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND thị xã V/v phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các nhà văn hóa trên địa bàn thị xã Quảng Yên; (2) Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND thị xã v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa khu 3A, phường Hà An	
XII	**Huyện Cô Tô: 01 công trình, dự án**		**0,74**	**0,34**	**0,00**	**0,31**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,03**		
1	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật Quảng trường trước khu vực tượng Bác, huyện Cô Tô	thị trấn Cô Tô	0,74	0,34		0,31				0,025	(1) Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 11/11/2023 của HĐND huyện Cô Tô v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án dự kiến khởi công năm 2024, 2025; (2) Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND huyện Cô Tô v/v phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật Quảng trường trước khu vực tượng Bác, huyện Cô Tô	

BIỂU 02: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THÔNG QUA NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH ĐỢT 4 NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 186 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích chuyển mục đích sử dụng từ các loại đất (ha)					Hồ sơ, tài liệu của dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		
					Tổng đất trồng lúa (LUA)	Đất chuyên trồng lúa (LUC)	Đất trồng lúa khác (LUK)				
I	**Thành phố Uông Bí: 01 công trình, dự án**		**0,970**	**0,917**	**0,917**	**0,917**	**0,000**	**0,000**	**0,000**		
1	Tuyến đường giao thông dẫn vào trụ sở Doanh trại Ban chỉ huy Quân sự thành phố Uông Bí	Phường Yên Thanh	0,970	0,917	0,917	0,917				(1) Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt tổng mặt bằng tuyến; (2) Nghị quyết 100/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND thành phố về việc bổ sung danh mục công trình chuẩn bị đầu tư phục vụ xây dựng kế hoạch đầu tư giai đoạn 2023-2025; (3) Nghị quyết 129/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND thành phố về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách Thành phố; (4) Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục dự án, công trình thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh đợt 02 năm 2023; (5) Phương án xử lý tầng đất mặt; (6) Thông báo số 5979/TB-STC ngày 14/11/2023 của Sở Tài chính thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và chứng từ nộp tiền kèm theo.	
	Tổng cộng: 01 dự án, công trình		**0,970**	**0,917**	**0,917**	**0,917**					

BIỂU 03: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 20 LUẬT LÂM NGHIỆP NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH ĐỢT 4 NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT		Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện *(xã, phường, thị trấn)*	Diện tích thực hiện dự án *(ha)*	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác *(ha)*				Hồ sơ của dự án	Ghi chú
					Rừng sản xuất		Rừng phòng hộ			
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng		
I. Thành phố Uông Bí				**2,25**		**0,99**				
1	1	Dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa công trình lâm sinh đường tuần tra bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng, phục hồi tái sinh rừng khu vực đầu nguồn suối Lựng Xanh và đồi Bình Hương, thành phố Uông Bí	xã Thượng Yên Công	2,25		0,99			(1) Văn bản số 655/BQLDA ngày 13/11/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Uông Bí về việc đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa công trình lâm sinh đường tuần tra bảo vệ và PCCC rừng, phục hồi tái sinh rừng khu vực đầu nguồn suối Lựng Xanh và đồi Bình Hương, thành phố Uông Bí. (2) Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 07/11/2023 của HĐND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số công trình trên địa bàn thành phố Uông Bí; Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 31/3/2021 của HĐND thành phố Uông Bí về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt tổng mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 Dự án; Quyết định số 8034a/QĐ-UBND ngày 11/9/2021 của UBND thành phố Uông Bí về việc điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình; Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND thành phố Uông Bí về việc cấp bổ sung kinh phí; Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 26/05/2021 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình. (3) Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 11/GXN-UBND ngày 12/7/2021 của UBND thành phố Uông Bí. (4) Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng Dự án.	
II. Thành phố Hạ Long				**1,78**		**1,20**				
2	1	Dự án Cửa hàng xăng dầu Hà Lùng, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	xã Sơn Dương	1,07		1,07			(1) Văn bản số 86/CV-HB ngày 28/9/2023 của Công ty TNHH Hưng Bình về việc đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Dự án Cửa hàng xăng dầu Hà Lùng, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long (2) Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; Quyết định số 3915/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của UBND huyện Hoành Bồ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 - Cửa hàng xăng dầu của Công ty TNHH Hưng Bình tại thôn Hà Lùng, xã Sơn Dương, huyện Hoành Bồ; Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc đính chính nội dung Quyết định số 3915/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của UBND huyện Hoành Bồ; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã Doanh nghiệp: 5700328109. (3) Giấy phép số 15/GPMT-UBND ngày 26/9/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc cấp giấy phép môi trường. (4) Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng: Dự án Cửa hàng xăng dầu Hà Lùng, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long.	

STT		Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện *(xã, phường, thị trấn)*	Diện tích thực hiện dự án *(ha)*	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác *(ha)*				Hồ sơ của dự án	Ghi chú
					Rừng sản xuất		Rừng phòng hộ			
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng		
3	2	Dự án Đường trục thôn nối tiếp vào Đòn Hang, thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long.	xã Đồng Lâm	0,71		0,13			(1) Văn bản số 9047/UBND-KT ngày 10/11/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án: Đường trục thôn nối tiếp vào Đòn Hang, thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long (2) Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 19/12/2021 của HĐND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án dự kiến đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2022 – 2025 của thành phố Hạ Long; Quyết định số 3903/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Đường trục thôn nối tiếp vào Đòn Hang, thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long; Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường trục thôn nối tiếp vào Đòn Hang, thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long. (3) Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (4) Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng Dự án	
III. Huyện Vân Đồn				**244,45**		**32,87**		**7,31**		
4	1	Khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp tại Khu kinh tế Vân Đồn.	xã Vạn Yên	244,45		32,87		7,31	(1) Văn bản số 2073/BQLKKTVĐ-NV3 ngày 16/11/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh về việc đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng đối với dự án Khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp tại Khu kinh tế Vân Đồn (2) Báo cáo thẩm định số 9414/BC-BKHĐT ngày 09/11/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp tại khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Đồn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp tại Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. (3) Báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ dự án Khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp tại Khu kinh tế Vân Đồn. (4) Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của Dự án.	

STT		Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện *(xã, phường, thị trấn)*	Diện tích thực hiện dự án *(ha)*	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác *(ha)*				Hồ sơ của dự án	Ghi chú
					Rừng sản xuất		Rừng phòng hộ			
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng		
IV. Huyện Bình Liêu				**17,10**		**4,30**		**0,44**		
5	1	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Lục Hồn - Đồng Tâm - Hoành Mô, huyện Bình Liêu	xã Lục Hồn, Đồng Tâm, Hoành Mô	17,10		4,3		0,44	(1) Văn bản số 1351/VB-BQLDA ngày 06/11/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Liêu về việc chuyển mục đích sử dụng rừng đối với dự án Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Lục Hồn - Đồng Tâm - Hoành Mô, huyện Bình Liêu. (2) Nghị quyết 263/NQ-HĐND ngày 12/11/2021 của HĐND huyện Bình Liêu về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công khởi công mới năm 2022 và giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND huyện Bình Liêu về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng tuyến tỉ lệ 1/500 Dự án Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Lục Hồn - Đồng Tâm - Hoành Mô, huyện Bình Liêu. (3) Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Lục Hồn - Đồng Tâm - Hoành Mô, huyện Bình Liêu (4) Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng Dự án.	
V. Thành phố Cẩm Phả				**57,40**		**46,48**		**0,00**		
6	1	Dự án Đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, khu vực bãi thải Bàng Nâu của Công ty cổ phần than Cao Sơn – TKV, tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả	phường Mông Dương	57,40		46,48			(1) Văn bản số 8713/TCS-ĐM ngày 15/11/2023 của Công ty than Cao Sơn – TKV về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải Lâm nghiệp, để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, khu vực bãi thải Bàng Nâu của Công ty cổ phần than Cao Sơn – TKV, tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả. (2) Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Đề án đảm bảo môi trường cấp bách ngành than trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020; Văn bản số 1042/UBND-MT ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh, về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường trong hoạt động đổ thải tại bãi thải Bàng Nâu, thuộc phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả; Văn bản số 1518/TKV-MT ngày 09/4/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV), về việc thông qua Phương án bảo vệ môi trường tổng thể khu vực bãi thải Bàng Nâu Công ty cổ phần than Cao Sơn – TKV; Quyết định số 3540/QĐ-TCS-ĐM ngày 28/4/2021 của Công ty cổ phần than Cao Sơn – TKV, về việc phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường tổng thể khu vực bãi thải Bàng Nâu Công ty cổ phần than Cao Sơn – TKV; Quyết định số 6868/QĐ-TCS-ĐM ngày 19/8/2022 của Công ty cổ phần than Cao Sơn – TKV về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây các công trình bảo vệ môi trường khu vực bãi thải Bàng Nâu của Công ty cổ phần than Cao Sơn – TKV, tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả (3) Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng Dự án	
Tổng cộng: 06 dự án, công trình				**322,98**		**85,84**		**7,75**		

BIỂU SỐ 04: ĐIỀU CHỈNH TÊN, DIỆN TÍCH DỰ ÁN, DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI CỦA MỘT SỐ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA DANH MỤC THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013

(Kèm theo Nghị quyết số 186 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
I	**Thành phố Hạ Long**											
1	**Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022**											
	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường liên xã, đoạn đường từ Mỏ Đông, xã Sơn Dương đến trung tâm xã Đồng Sơn	xã Sơn Dương, Đồng Lâm, Đồng Sơn	51,28	40,37	1,39			32,24	2,28	4,46	(1) Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư; (2) Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND thành phố v/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500; (3) Quyết định số 11712/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND thành phố v/v phê duyệt dự án.	
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường liên xã, đoạn đường từ Mỏ Đông, xã Sơn Dương đến trung tâm xã Đồng Sơn	xã Sơn Dương, Đồng Lâm, Đồng Sơn	61,69	49,750	1,65			40,39	3,38	4,33	(1) Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư; (2) Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND thành phố vv phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500; (3) Quyết định số 11712/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND thành phố v/v phê duyệt dự án; (4) Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND Thành phố v/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500.	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 11/7/2023
2	**Diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 04/11/2022**											
	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long	Thống Nhất, Đồng Lâm, Sơn Dương	53,13	48,35	3,87			33,93	5,98	4,57	(1) Nghị quyết số 304/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh v/v thông qua danh mục các chương trình, dự án trọng điểm ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; (2) Quyết định số 9835/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố v/v phê duyệt quy hoạch; (3) Quyết định số 10027/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND thành phố v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng chi tiết tỷ lệ 1/500; (4) Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh v/v thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long	Thống Nhất, Đồng Lâm, Sơn Dương	59,80	45,59	4,04			34,57	5,42	1,56	(1) Nghị quyết số 304/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh v/v thông qua danh mục các chương trình, dự án trọng điểm ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; (2) Quyết định số 9835/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố v/v phê duyệt quy hoạch; (3) Quyết định số 10027/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND thành phố v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch; (4) Quyết định số 10027/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch; (5) Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ mặt bằng tuyến và ranh giới giải phóng mặt bằng tỷ lệ 1/500;	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
3	**Diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2021**											
	Tuyến đường dọc mương, bên trái tuyến từ cầu K67 phường Hà Khánh qua cầu Nước Mặn đến đường 336 phường Hà Lầm	Phường Cao Xanh, Cao Thắng, Hà Khánh, Hà Lầm	11,91	3,77					2,76	1,01	(1) Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/10/2021 của HĐND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt điều chỉnh chủ trương và phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 9838/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500.	
	Diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Tuyến đường dọc mương, bên trái tuyến từ cầu K67 phường Hà Khánh qua cầu Nước Mặn đến đường 336 phường Hà Lầm	Phường Cao Xanh, Cao Thắng, Hà Khánh, Hà Lầm	11,91	4,350					1,260	3,090	(1) Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/10/2021 của HĐND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt điều chỉnh chủ trương và phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 9838/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Hạ Long vv phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500	Bổ sung diện tích cần thu hồi trong ranh giới quy hoạch dự án

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
4	**Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2021**											
	Tuyến đường nối Quốc lộ 18A, phường Hồng Hải (đoạn đường Bùi Thị Xuân) với tỉnh lộ 336, phường Hà Lầm và quỹ đất xen kẹp hai bên đường	Hồng Hải, Hà Lầm	14,12	10,747				2,78	0,513	7,45	(1) Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND Thành phố Hạ Long v/v phê duyệt chủ trương và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 9837/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND Thành phố Hạ Long v/v phê duyệt quy hoạch;	
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Tuyến đường nối Quốc lộ 18A, phường Hồng Hải (đoạn đường Bùi Thị Xuân) với tỉnh lộ 336, phường Hà Lầm và quỹ đất xen kẹp hai bên đường	Hồng Hải, Hà Lầm, Cao Thắng	14,20	11,11				2,80	1,77	6,54	(1) Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND Thành phố Hạ Long về việc phê duyệt chủ trương và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 9837/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND Thành phố Hạ Long v/v phê duyệt quy hoạch; (3) Quyết định số 11039/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng được UBND thành phố phê duyệt tại quyết định số 11039/QĐ-UBND ngày 26/11/2021.
5	**Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2021**											
	Cải tạo tuyến đường giao thông, cống thoát nước và tuyến kè phòng hộ khu dân cư tại tổ 5, 6 khu 5 phường Hà Lầm	Hà Lầm	0,43	0,299						0,299	(1) Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND thành phố Hạ Long v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500; (2) Văn bản số 223/UBND ngày 19/10/2021 của UBND phường Hà Lầm vv báo cáo triển khai thực hiện công trình theo Nghị quyết 21/NQ-TU ngày 31/12/2020.	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Cải tạo tuyến đường giao thông, cống thoát nước và tuyến kè phòng hộ khu dân cư tại tổ 5, 6 khu 5 phường Hà Lầm	Hà Lầm	0,471	0,471						0,471	(1) Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND thành phố v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500; (2) Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND thành phố v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500.	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 15/3/2023
II	**Thành phố Uông Bí**											
1	**Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/7/2021**											
	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	Phương Đông, Phương Nam	11,83	11,83	3,51				0,88	7,44	(1) Quyết định số 3654/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng hướng tuyến; (2) Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 30/3/2021 của HDND thành phố về quyết định chủ trương đầu tư; (3) Văn bản số 1582/UBND ngày 06/7/2021 của UBND thành phố về việc thực hiện dự án	
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	Phường Phương Đông, Phương Nam	10,66	10,66	3,51				0,88	6,27	(1) Quyết định số 3654/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng hướng tuyến; (2) Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; (3) Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 30/3/2021 của HDND thành phố về quyết định chủ trương đầu tư; (4) Nghị quyết số 125/NQ-HDND ngày 21/7/2023 của HDND thành phố về điều chỉnh chủ trương đầu tư; (5) Văn bản số 1836/UBND ngày 15/6/2023 của UBND thành phố về việc xác nhận hoàn thành công tác GPMB thực hiện dự án (đợt 1)	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 và cập nhật diện tích các loại đất theo số liệu thực tế bồi thường GPMB

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
2	**Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2021**											
	Xây dựng khu Tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1).	Phường Phương Đông	1,97	1,97	0,15				1,49	0,33	(1) Quyết định số 8685/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của thành phố Uông Bí v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án; (2) Công văn số 6734/UBND-GT1 ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh	
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Xây dựng khu Tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1).	Phường Phương Đông	1,96	1,96	0,025				0,00073	1,93	(1) Quyết định số: 8685/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của thành phố Uông Bí v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; (2) Công văn số 6734/UBND-GT1 ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh; (3) Quyết định số 4318/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4318/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 và cập nhật diện tích các loại đất theo số liệu thực tế bồi thường GPMB
3	**Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2021**											
	Khu dân cư, tái định cư khu Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	Phường Phương Đông	1,26	1,26	0,17				0,93	0,16	(1) Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/10/2021 của HĐND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; (2) Quyết định số 8874/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND thành phố Uông Bí về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Khu dân cư, tái định cư khu Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	Phường Phương Đông	0,47	0,47	0,0487				0,3706	0,0489	(1) Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/10/2021 của HĐND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; (2) Quyết định số 8874/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND thành phố Uông Bí về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; (3) Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 và cập nhật diện tích các loại đất theo số liệu thực tế bồi thường GPMB
III	**Huyện Ba Chẽ**											
1	**Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND, ngày 09/12/2021**											
	Nâng cấp chống ngập lụt đường từ ĐT330 (Bắc Xa) đến thôn Bắc Cáp, xã Đạp Thanh, huyện Ba Chẽ	xã Đạp Thanh	1,69	1,69	0,72			0,53	0,39	0,77	(1) Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 17/12/2022 của HĐND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt, điều chỉnh, hủy bỏ chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư; (2) Quyết định 3916/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND huyện Ba Chẽ v/v phê duyệt quy hoạch hướng tuyến các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.	
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Nâng cấp chống ngập lụt đường từ ĐT330 (Bắc Xa) đến thôn Bắc Cáp, xã Đạp Thanh, huyện Ba Chẽ	xã Đạp Thanh	3,25	2,64	0,72			1,65	0,12	0,15	(1) Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 17/12/2022 của HĐND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt, điều chỉnh, hủy bỏ chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 3916/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt Quy hoạch hướng tuyến các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Ba Chẽ; (3) Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch hướng tuyến một số tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện.	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định 4035/QĐ-UBND ngày 28/9/2023

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
2	**Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022**											
	Nâng cấp chống ngập lụt tuyến đường Khe Pụt ngoài - Khe Nà, xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ.	xã Thanh Sơn	3,06	3,06	0,28			2,46	0,22	0,10	(1) Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 17/12/2022 của HĐND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt, điều chỉnh, hủy bỏ chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công; (2) Quyết định 3916/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt Quy hoạch hướng tuyến các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Ba Chẽ.	
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Nâng cấp chống ngập lụt tuyến đường Khe Pụt ngoài - Khe Nà, xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ.	xã Thanh Sơn	3,89	3,89	0,34			3,18	0,25	0,12	(1) Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 17/12/2022 của HĐND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt, điều chỉnh, hủy bỏ chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công; (2) Quyết định 3916/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt quy hoạch hướng tuyến các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Ba Chẽ; (3) Quyết định 4035/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch hướng tuyến một số tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện.	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định 4035/QĐ-UBND ngày 28/9/2023
3	**Diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND, ngày 31/3/2022**											
	Xử lý 08 điểm ngập lụt trên đường tỉnh 330	xã Đạp Thanh, Thanh Lâm, Lương Mông	12,56	12,56	1,12			5,93	2,26	3,25	(1) Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; (2) Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh v/v phê duyệt dự án.	
	Diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Xử lý 08 điểm ngập lụt trên đường tỉnh 330	Xã Đạp Thanh, Thanh Lâm, Lương Mông	12,56	12,56	1,44			5,54	2,26	3,32	(1) Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; (2) Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh v/v phê duyệt dự án; (3) Quyết định số 208/QĐ-BQLDANN ngày 18/5/2022 của Ban Quản lý dự án các công trình nông nghiệp tỉnh V/v phê duyệt thiết kế; (4) Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện Ba Chẽ v/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500;	Cập nhật diện tích thu hồi theo Hồ sơ phê duyệt điều chỉnh thiết kế và điều cục bộ quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
4	**Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 133/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022**											
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 Tân Tiến qua Lang Cang đến Làng Cổng, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ.	xã Đồn Đạc	14,83	14,83	0,75			10,39	1,38	2,31	(1) Nghị quyết số 26/NQ-HDND ngày 27/10/2021 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án khởi công năm 2022; (2) Quyết định 3916/QĐ-UBND ngày 20/20/2021 của UBND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt Quy hoạch hướng tuyến các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Ba Chẽ.	
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 Tân Tiến qua Lang Cang đến Làng Cổng, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ.	xã Đồn Đạc	22,72	21,67	1,30			15,51	2,20	2,66	(1) Nghị quyết số 26/NQ-HDND ngày 27/10/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án khởi công năm 2022; (2) Quyết định 3916/QĐ-UBND ngày 20/20/2021 của UBND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt Quy hoạch hướng tuyến các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Ba Chẽ; (3) Quyết định 4035/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch hướng tuyến một số tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện; (4) Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng về việc phê duyệt thiết kế xây dựng;	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định 4035/QĐ-UBND ngày 28/9/2023
IV	**Huyện Đầm Hà**											
1	**Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 09/7/2022**											
	Trường mầm non xã Quảng Lâm	Xã Quảng Lâm	0,52	0,52	0,20				0,30	0,02	(1) Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của HĐND huyện Đầm Hà v/v phê duyệt chủ trương đầu tư, bố trí vốn một số dự án đầu tư công; (2) Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của UBND huyện Đầm Hà v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Trường mầm non Quảng Lâm, huyện Đầm Hà	Xã Quảng Lâm	0,68	0,68	0,24				0,35	0,09	(1) Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của HĐND huyện Đầm Hà v/v phê duyệt chủ trương đầu tư, bố trí vốn một số dự án đầu tư công; (2) Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Đầm Hà về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư, bố trí vốn công 2023-2025; (3) Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND huyện Đầm Hà về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công; (4) Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của UBND huyện Đầm Hà phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; (5) Quyết định số 4297/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 4297/QĐ-UBND ngày 03/11/2023
2	**Tên dự án, diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022**											
	Dự án khu dân cư phía nam trung tâm thị trấn Đầm Hà	Thị trấn Đầm Hà, xã Tân Lập, xã Đầm Hà	32,44	32,44	9,72			0,32	10,75	11,66	(1) Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện Đầm Hà về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; (2) Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	
	Tên dự án, diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Khu đô thị phía Nam trung tâm thị trấn Đầm Hà	Thị trấn Đầm Hà, xã Tân Lập, xã Đầm Hà	28,99	28,99	9,40			0,10	10,50	8,99	(1) Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện Đầm Hà về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; (2) Quyết định số 4303/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện Đầm Hà về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị phía Nam trung tâm thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà; (3) Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 4303/QĐ-UBND ngày 03/11/2023

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
V	Huyện Cô Tô											
1	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022											
	Đường lưỡng dụng kết nối phía Đông - Tây đảo Cô Tô lớn, đoạn Nam Đồng - Nam Hà	xã Đồng Tiến	4,55	4,55	1,30	0,20			1,80	1,25	(1) Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 23/02/2022 của HĐND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; (2) Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 24/10/2022 của HĐND huyện Cô Tô v/v điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; (3) Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 của HĐND tỉnh; (4) Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện Cô Tô v/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng dự án; (5) Quyết định số 1108/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng dự án;	
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Đường lưỡng dụng kết nối phía Đông - Tây đảo Cô Tô lớn, đoạn Nam Đồng - Nam Hà	xã Đồng Tiến	4,22	0,61	0,61	0,20			1,03	2,37	(1) Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 23/02/2022 của HĐND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; (2) Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 24/10/2022 của HĐND huyện Cô Tô v/v điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; (3) Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 của HĐND tỉnh; (4) Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện Cô Tô v/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng dự án; (5) Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng dự án;	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 22/9/2023
VI	Thị xã Quảng Yên											
1	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết 228/NQ-HĐND ngày 07/12/2019											
	Khu khai thác mỏ đá làm nguyên vật liệu sản xuất xi măng tại Núi Na 2 tại xã Sông Khoai và phường Đông Mai	xã Sông Khoai và phường Đông Mai	12,68	12,68				10,39	1,22	1,06	Quyết định 373/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500;	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng		
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại											
	Khu khai thác mỏ đá làm nguyên vật liệu sản xuất xi măng tại Núi Na 2 tại xã Sông Khoai và phường Đông Mai	xã Sông Khoai và phường Đông Mai	12,45	12,45				9,77	1,22	1,46	(1) Quyết định 373/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; (2) Quyết định 10924/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND thị xã Quảng yên Về việc điều chỉnh phê duyệt quy hoạch Tuyến đường vào khu khai thác mỏ đá, sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại Núi Na 2	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch được UBND thị xã phê duyệt tại Quyết định số 10924/QĐ-UBND ngày 27/6/2023
VII	**Thị xã Đông Triều**											
1	**Diện tích các loại đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 31/3/2022**											
	Tuyến đường kết nối giữa quốc lộ 18 với đường ven sông	Kim Sơn	7,25	7,25	2,40				2,50	2,35	(1) Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND thị xã v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; (2) Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 24/11/2021 của HĐND thị xã Đông Triều v/v điều chỉnh danh mục và phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách khởi công mới năm 2022".	
	Điều chỉnh diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi như sau											
	Tuyến đường kết nối giữa quốc lộ 18 với đường ven sông	Kim Sơn	7,77	7,77	2,50				2,49	2,78	(1) Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND thị xã v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500"; (2) Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND thị xã v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; (3) Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 24/11/2021 của HĐND thị xã Đông Triều "Về việc điều chỉnh danh mục và phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách khởi công mới năm 2022".	Diện tích thay đổi do điều chỉnh quy hoạch được UBND thị xã phê duyệt tại Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 và chuẩn xác lại loại đất trong quá trình GPMB dự án.

BIỂU SỐ 05: ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH DỰ ÁN, DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA MỘT SỐ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013

(Kèm theo Nghị quyết số 186 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

A4:L1	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích chuyển mục đích sử dụng từ các loại đất (ha)					Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		
					Tổng đất trồng lúa (LUA)	Đất chuyên trồng lúa (LUC)	Đất trồng lúa khác (LUK)				
	Thị xã Đông Triều: 06 công trình, dự án										
1	**Diện tích các loại đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 30/3/2023**										
	Trụ sở công an xã Hồng Thái Tây	xã Hồng Thái Tây	0,5	0,47	0,47	0,06	0,41			(1) Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND thị xã "Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500"; (2) Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thị xã "Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư".	
	Diện tích các loại đất được điều chỉnh lại										
	Trụ sở công an xã Hồng Thái Tây	xã Hồng Thái Tây	0,5	0,46	0,46	0,46				(1) Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND thị xã "Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500"; (2) Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thị xã "Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư"; (3) Văn bản số 3321/UBND-TTPTQĐ ngày 30/10/2023 của UBND thị xã về việc xác nhận hoàn thành GPMB;	Xác định lại số liệu về nguồn gốc đất, loại đất trong quá trình GPMB dự án
2	**Diện tích các loại đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 30/3/2023**										
	Trụ sở công an xã Hồng Thái Đông	xã Hồng Thái Đông	0,43	0,40	0,40	0,40				(1) Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND thị xã "Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500"; (2) Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thị xã "Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư".	
	Diện tích các loại đất được điều chỉnh lại										
	Trụ sở công an xã Hồng Thái Đông	xã Hồng Thái Đông	0,43	0,41	0,41	0,41				(1) Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND thị xã "Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500"; (2) Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thị xã "Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư"; (3) Văn bản số 3291/UBND-TTPTQĐ ngày 27/10/2023 của UBND thị xã về việc xác nhận hoàn thành GPMB;	Xác định lại số liệu về nguồn gốc đất, loại đất trong quá trình GPMB dự án

A4:L1	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích chuyển mục đích sử dụng từ các loại đất (ha)					Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		
					Tổng đất trồng lúa (LUA)	Đất chuyên trồng lúa (LUC)	Đất trồng lúa khác (LUK)				
3	**Diện tích các loại đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 30/3/2023**										
	Trụ sở công an xã Thủy An	xã Thủy An	0,4	0,16	0,16	0,16				(1) Quyết định số 1161a/QĐ-UBND ngày 08/08/2022 của UBND thị xã Đông Triều "Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500"; (2) Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thị xã "Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư".	
	Diện tích các loại đất được điều chỉnh lại										
	Trụ sở công an xã Thủy An	xã Thủy An	0,4	0,31	0,31	0,31				(1) Quyết định số 1161a/QĐ-UBND ngày 08/08/2022 của UBND thị xã Đông Triều "Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500"; (2) Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thị xã "Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư"; (3) Văn bản số 3018/UBND-TTPTQĐ ngày 20/10/2023 của UBND thị xã về việc xác nhận hoàn thành GPMB.	Xác định lại số liệu về nguồn gốc đất, loại đất trong quá trình GPMB dự án
4	**Diện tích các loại đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 30/3/2023**										
	Trụ sở công an xã Việt Dân	xã Việt Dân	0,51	0,38	0,38	0,38				(1) Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND thị xã "Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500";(2) Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thị xã "Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư".	
	Diện tích các loại đất được điều chỉnh lại										
	Trụ sở công an xã Việt Dân	xã Việt Dân	0,51	0,41	0,41	0,41				(1) Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND thị xã "Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500"; (2) Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thị xã "Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư". (3) Văn bản số 3017/UBND-TTPTQĐ ngày 20/10/2023 của UBND thị xã về việc xác nhận hoàn thành GPMB;	Xác định lại số liệu về nguồn gốc đất, loại đất trong quá trình GPMB dự án

A4:L1	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích chuyển mục đích sử dụng từ các loại đất (ha)					Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		
					Tổng đất trồng lúa (LUA)	Đất chuyên trồng lúa (LUC)	Đất trồng lúa khác (LUK)				
5	**Diện tích các loại đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 31/3/2022**										
	Tuyến đường kết nối giữa quốc lộ 18 với đường ven sông	phường Kim Sơn	7,25	2,40	2,40	2,40				(1) Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND thị xã "Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500"; (2) Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 24/11/2021 của HĐND thị xã Đông Triều Về việc điều chỉnh danh mục và phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách.	
	Diện tích các loại đất được điều chỉnh lại										
	Tuyến đường kết nối giữa quốc lộ 18 với đường ven sông	phường Kim Sơn	7,25	2,50	2,50	2,50				(1) Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND thị xã "Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500"; (2) Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 24/11/2021 của HĐND thị xã Đông Triều "Về việc điều chỉnh danh mục và phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách;	Xác định lại số liệu về nguồn gốc đất, loại đất trong quá trình GPMB dự án
6	**Diện tích các loại đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 07/7/2017**										
	Khu dân cư Vĩnh Thông	phường Mạo Khê	8,70	8,70	8,70	8,70				(1) Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND thị xã về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết; (2) Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND thị xã về kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	
	Diện tích các loại đất được điều chỉnh lại										
	Khu dân cư Vĩnh Thông	phường Mạo Khê	8,70	8,70	8,70	0,00	8,70			(1) Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND thị xã về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết; (2) Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND thị xã về kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án; (3) Văn bản số 681/UBND ngày 09/4/2018 của UBND thị xã Đông Triều V/v xác nhận bồi thường, hỗ trợ, GPMB dự án.	Xác định lại số liệu về nguồn gốc đất, loại đất trong quá trình GPMB dự án

A4:L1	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích chuyển mục đích sử dụng từ các loại đất (ha)					Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		
					Tổng đất trồng lúa (LUA)	Đất chuyên trồng lúa (LUC)	Đất trồng lúa khác (LUK)				
	Huyện Cô Tô: 01 công trình, dự án										
1	**Diện tích các loại đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022**										
	Đường lưỡng dụng kết nối phía Đông - Tây đảo Cô Tô lớn, đoạn Nam Đồng - Nam Hà	xã Đồng Tiến	4,55	1,50	1,30			0,20		(1) Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 23/02/2022 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; (2) Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 24/10/2022 của HĐND huyện Cô Tô về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư; (3) Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 của HĐND tỉnh; (3) Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện Cô Tô về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng dự án.	
	Diện tích các loại đất được điều chỉnh lại										
	Đường lưỡng dụng kết nối phía Đông - Tây đảo Cô Tô lớn, đoạn Nam Đồng - Nam Hà	xã Đồng Tiến	4,22	0,61	0,31	0,30		0,20		(1) Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 23/02/2022 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; (2) Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 24/10/2022 của HĐND huyện Cô Tô về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; (3) Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 của HĐND tỉnh; (4) Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện Cô Tô về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng dự án; (5) Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng dự án;	Do điều chỉnh lại quy hoạch tổng mặt bằng dự án
	Thành phố Uông Bí: 03 công trình, dự án										
1	**Diện tích dự án, diện tích các loại đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/7/2021**										
	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	Phương Đông, Phương Nam	11,83	3,51	3,51	1,62	1,89			(1) Quyết định số 3654/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng hướng tuyến; (2) Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 30/3/2021 của HĐND thành phố về quyết định chủ trương đầu tư; (3) Văn bản số 1582/UBND ngày 06/7/2021 của UBND thành phố về việc thực hiện dự án;	
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất điều chỉnh lại										
	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	Phương Đông, Phương Nam	10,66	3,51	3,51	1,56	1,95			(1) Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; (2) Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND thành phố về điều chỉnh chủ trương đầu tư; (3) Văn bản số 1836/UBND ngày 15/6/2023 của UBND thành phố về việc xác nhận hoàn thành công tác GPMB thực hiện dự án (đợt 1)	Do điều chỉnh quy hoạch chi tiết và cập nhật diện tích các loại đất trong quá trình GPMB dự án

A4:L1	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích chuyển mục đích sử dụng từ các loại đất (ha)					Căn cứ pháp lý thực hiện dự án	Lý do điều chỉnh
					Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		
					Tổng đất trồng lúa (LUA)	Đất chuyên trồng lúa (LUC)	Đất trồng lúa khác (LUK)				
2	**Diện tích dự án, diện tích các loại đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 31/3/2022**										
	Xây dựng khu Tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1).	Phường Phương Đông	1,97	0,15	0,15	0,00012	0,15			(1) Quyết định số 8685/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của thành phố Uông Bí về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án; (2) Công văn số 6734/UBND-GT1 ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh	
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất được điều chỉnh lại										
	Xây dựng khu Tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1).	Phường Phương Đông	1,96	0,025	0,025		0,025			(1) Quyết định số 8685/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của thành phố Uông Bí về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; (2) Quyết định số 4318/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.	Do điều chỉnh quy hoạch chi tiết và cập nhật diện tích các loại đất trong quá trình GPMB dự án
3	**Diện tích các loại đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 31/3/2022**										
	Khu dân cư, tái định cư khu Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	Phường Phương Đông	1,26	0,17	0,17		0,17			(1) Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/10/2021 của HĐND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; (2) Quyết định số 8874/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND thành phố Uông Bí về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	
	Diện tích các loại đất được điều chỉnh lại										
	Khu dân cư, tái định cư khu Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	Phường Phương Đông	1,26	0,17	0,17		0,17			(1) Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/10/2021 của HĐND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; (2) Quyết định số 8874/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND thành phố Uông Bí về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; (3) Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.	Do điều chỉnh quy hoạch chi tiết và cập nhật diện tích các loại đất trong quá trình GPMB dự án
Tổng số: 10 công trình, dự án											

BIỂU 06: DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA

(Kèm theo Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên dự án	Nội dung đã được HĐND tỉnh thông qua			Nội dung được điều chỉnh lại			Lý do điều chỉnh	Ghi chú
		Diện tích dự án (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		Diện tích dự án (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác			
			Rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất (ha)	Rừng trồng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ (ha)		Rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất (ha)	Rừng trồng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ (ha)		
I	**Điều chỉnh vị trí quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022**								
Thị xã Quảng Yên		**1.202,5**		**0,35**	**1.202,5**		**0,35**		
1	Dự án phát triển Tổ hợp cảng biển và khu công nghiệp tại khu vực Đầm Nhà Mạc, thị xã Quảng Yên	1.202,5		0,35	1202,5		0,35	UBND Tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Tổ hợp cảng biển và khu công nghiệp tại khu vực Đầm Nhà Mạc, thị xã Quảng Yên tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 05/01/2023, trong đó điều chỉnh vị trí xây dựng cống tiêu thoát nước số 2 qua đê Hà Nam, làm thay đổi vị trí rừng cần chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (không làm thay đổi diện tích quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác so với Nghị quyết đã được HĐND tỉnh thông qua)	
II	**Điều chỉnh diện tích dự án, diện tích quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 333/NQ-HĐND ngày 24/3/2021**								
Huyện Ba Chẽ		**2,7**	**2,7**		**3,03**	**2,78**			
2	Dự án Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn Ba Chẽ, hạng mục Hạ tầng giai đoạn 1	2,7	2,7		3,03	2,78		Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân thị xã Ba Chẽ tại Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 26/4/2023, trong đó diện tích thực hiện Dự án giai đoạn 1 là 3,03 ha.	
Tổng cộng: 02 dự án, công trình		**1205,2**	**2,7**	**0,35**	**1205,53**	**2,78**	**0,35**		

Biểu 07: DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA

(Kèm theo Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên Dự án, Công trình	Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn)	Nghị quyết của HĐND đã thông qua	Diện tích rừng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác *(ha)*							Ghi chú
				Tổng diện tích rừng *(ha)*	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		
							Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
I	**Thành phố Uông Bí (02 dự án, công trình)**			**4,80**		**4,80**				**4,80**	
1	Trạm biến áp 220 kV Khe Thần và đấu nối	xã Thượng Yên Công	Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 30/7/2019	2,96		2,96				2,96	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hủy bỏ đồng thời với danh mục dự án thu hồi đất quá 03 năm.
2	Xây dựng nghĩa trang nhân dân 314	phường Vàng Danh	Nghị quyết 212/NQ-HĐND ngày 26/10/2019	1,84		1,84				1,84	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hủy bỏ đồng thời với danh mục dự án thu hồi đất quá 03 năm.
II	**Thành phố Hạ Long (03 dự án, công trình)**			**3,66**		**3,66**		**0,72**		**2,94**	
1	Khu dân cư tự xây tại thôn Phú Liễn	xã Đồng Sơn	Nghị quyết 228/NQ-HĐND ngày 07/12/2019	1,93		1,93				1,93	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hủy bỏ đồng thời với danh mục dự án thu hồi đất quá 03 năm.
2	Dự án đường dây TBA 110Kv Cao Thắng	xã Thống Nhất, phường Cao Thắng, Hà Lầm, Hà Khánh	Nghị quyết 272/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	1,41		1,41		0,72		0,69	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hủy bỏ đồng thời với danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất quá 03 năm.
3	Dự án Trụ sở công an xã Đồng Lâm	xã Đồng Lâm	Nghị quyết số 333/NQ-HĐND ngày 24/3/2021	0,32		0,32				0,32	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và HĐND thành phố Hạ Long đã ban hành Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 hủy bỏ chủ trương đầu tư dự án
III	**Thành phố Cẩm Phả (01 dự án, công trình)**			**8,78**		**8,78**		**8,68**		**0,10**	
1	Trận địa dự bị d185/e213/f363 Quân chủng phòng không không quân	phường Quang Hanh	Nghị quyết 228/NQ-HĐND ngày 07/12/2019	8,78		8,78		8,68		0,10	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
IV	**Huyện Ba Chẽ (02 dự án, công trình)**			**2,06**		**2,06**				**2,06**	
1	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	xã Đồn Đạc	Nghị quyết số 192/NQ-ĐND ngày 30/7/2019	0,21		0,21				0,21	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hủy bỏ đồng thời với danh mục dự án thu hồi đất quá 03 năm.
2	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Ba Chẽ (Hạng mục: Hạ tầng giai đoạn 1)	thị trấn Ba Chẽ	Nghị quyết 228/NQ-HĐND ngày 07/12/2019	1,85		1,85				1,85	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

STT	Tên Dự án, Công trình	Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn)	Nghị quyết của HĐND đã thông qua	Diện tích rừng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác *(ha)*							Ghi chú
				Tổng diện tích rừng *(ha)*	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		
							Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
V	**Huyện Bình Liêu (02 dự án, công trình)**			**4,36**		**4,36**		**4,00**		**0,36**	
1	Khu xử lý rác thải sinh hoạt bằng phương pháp đốt rác	xã Húc Động	Nghị quyết 228/NQ-HĐND ngày 07/12/2019	0,36		0,36				0,36	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hủy bỏ đồng thời với danh mục dự án thu hồi đất quá 03 năm.
2	Bê tông hóa đường trục thôn Khe Vằn, xã Húc Động, huyện Bình Liêu	xã Húc Động	Nghị quyết 272/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	4,00		4,00		4,00			Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hủy bỏ đồng thời với danh mục dự án thu hồi đất quá 03 năm.
VI	**Huyện Đầm Hà (03 dự án, công trình)**			**29,15**		**29,15**				**29,15**	
1	Dự án trang trại chăn nuôi công nghệ cao	xã Dực Yên	Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 30/7/2019	19,37		19,37				19,37	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hủy bỏ đồng thời với danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất quá 03 năm.
2	Dự án nhà máy chế biến nông dược và thực phẩm Đầm Hà	xã Tân Bình	Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 30/7/2019	7,47		7,47				7,47	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
3	Dự án nuôi tôm công nghệ cao GFS	xã Tân Lập	Nghị quyết 243/NQ-HĐND ngày 31/3/2020	2,31		2,31				2,31	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hủy bỏ đồng thời với danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất quá 03 năm.
VII	**Huyện Tiên Yên (01 dự án, công trình)**			**2,13**		**2,13**				**2,13**	
1	Dự án Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	xã Tiên Lãng	Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 30/7/2019	2,13		2,13				2,13	Chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hủy bỏ đồng thời với danh mục dự án thu hồi đất quá 03 năm.
	Tổng số 14 dự án, công trình			**54,94**	**0,00**	**54,94**	**0,00**	**13,40**	**0,00**	**41,54**	